

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 4 trang)

Họ tên : Số báo danh :

- Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết sông Hậu đổ ra biển qua cửa nào sau đây?
A. Cung Hầu. B. Hàm Luông. C. Cổ Chiên. D. Định An.
- Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng vòng cung?
A. Sông Gâm. B. Sông Hồng. C. Sông Đà. D. Sông Chảy.
- Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có lượng mưa trung bình năm lớn nhất?
A. Hà Tiên. B. Hà Nội. C. Lũng Cú. D. Huế.
- Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Tranh thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?
A. Sông Thái Bình. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Mã. D. Sông Cả.
- Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy con Voi cùng hướng với dãy núi nào sau đây?
A. Ngân Sơn. B. Tam Điệp. C. Bắc Sơn. D. Sông Gâm.
- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Gia Lai. D. Kon Tum.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết lát cắt địa hình (A – B) từ sơn nguyên Đồng Văn đến cửa sông Thái Bình phải đi qua những dãy núi có hướng vòng cung nào sau đây?
A. Đông Triều và Ngân Sơn. B. Ngân Sơn và Bắc Sơn.
C. Sông Gâm và Đông Triều. D. Bắc Sơn và Sông Gâm.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây nằm trên cánh cung Đông Triều?
A. Mẫu Sơn. B. Kiêu Liêu Ti. C. Tam Đảo. D. Yên Tử.
- Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7 và kiến thức đã học ta thấy địa hình nước ta chủ yếu là
A. núi cao. B. cao nguyên. C. đồi núi thấp. D. đồng bằng.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây thuộc nhóm đất feralit?
A. Đất xám trên phù sa cổ. B. Đất phèn.
C. Đất đỏ ba dan. D. Đất mặn.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất feralit trên đá badan phân bố chủ yếu ở vùng nào?
A. Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ. B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây nằm trong miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?
A. Phu Luông. B. Pu Huổi Long. C. Pu Tha Ca. D. Pu Si Lung.
- Câu 53:** Cho bảng số liệu sau:

**DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN
2005 – 2020 (Đơn vị: nghìn ha)**

Vùng	Diện tích rừng		
	2005	2014	2020
Tây Nguyên	1.995,9	2.567,1	2.559,9
Cả nước	12.418,5	13.796,5	14.667,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tỉ trọng diện tích rừng của Tây Nguyên so với cả nước năm 2005 và năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Kết hợp. D. Miền.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết theo chiều từ Bắc xuống Nam gập vịnh nào sau đây đầu tiên?

- A. Quy Nhơn. B. Dung Quất. C. Nước Ngọt. D. Đà Nẵng.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có đường bờ biển dài nhất?

- A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Thái Bình. D. Quảng Ninh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa nhiều nhất?

- A. Tháng X. B. Tháng IX. C. Tháng XI. D. Tháng XII.

Câu 57: Dựa vào bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
Đà Nẵng	21,3	29,1	25,7
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	26,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng với biên độ nhiệt năm của các địa điểm ở nước ta?

- A. Biên độ nhiệt năm của Đà Nẵng 10,2 °C.
 B. Biên độ nhiệt năm Huế cao hơn TP Hồ Chí Minh 8,4 °C.
 C. Biên độ nhiệt năm của Lạng Sơn 12,5 °C .
 D. Biên độ nhiệt năm TP Hồ Chí Minh 7,4 °C.

Câu 58: Đặc điểm nào sau đây giống nhau giữa địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Hướng núi tây bắc - đông nam. B. Nhiều cao nguyên, sơn nguyên.
 C. Hướng vòng cung là chủ yếu. D. Đồi núi thấp chiếm ưu thế.

Câu 59: Biện pháp quan trọng nhất trong việc phòng chống bão là

- A. củng cố hệ thống các đê ven sông, biển. B. phòng chống lũ lụt ở miền núi và sạt lở.
 C. dự báo chính xác hướng bão di chuyển. D. Sơ tán người dân ra khỏi vùng có bão.

Câu 60: Hệ quả nào sau đây đúng khi nói về hoạt động của gió phơn Tây Nam?

- A. Gây ra mưa vào thu đông cho Đông Trường Sơn.
 B. Tạo sự đối lập về khí hậu giữa Đông Bắc và Tây Bắc.
 C. Gây ra mùa khô cho Nam Bộ và Tây Nguyên.
 D. Tạo thời tiết khô nóng cho ven biển Trung Bộ.

Câu 61: Nguyên nhân chính làm cho vùng núi cao Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới là

- A. gió mùa Đông Nam. B. gió mùa Đông Bắc.
 C. độ cao của địa hình. D. hướng của dãy núi.

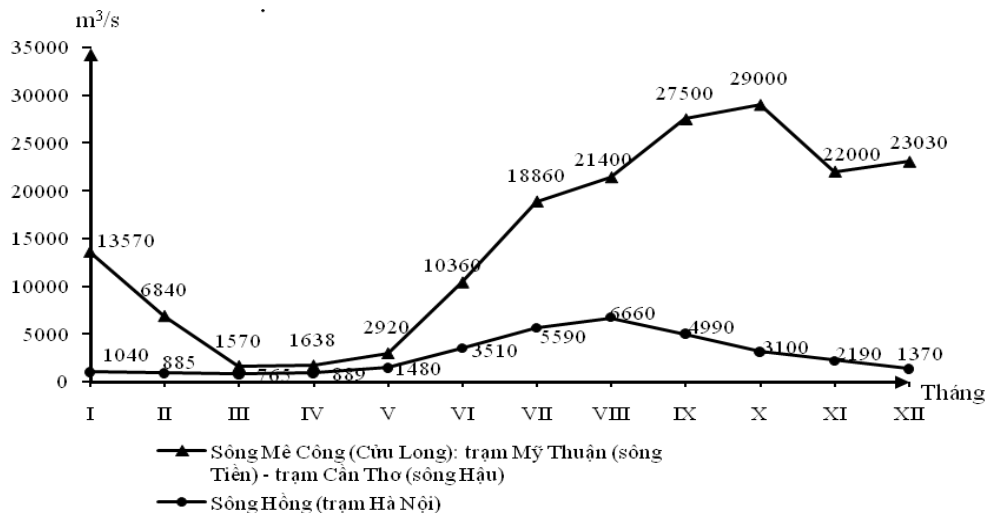
Câu 62: Biểu hiện nào sau đây cho thấy con người tác động đến việc hình thành địa hình?

- A. Các địa hình nhân tạo xuất hiện ngày càng nhiều trên lãnh thổ.
 B. Sông trở lại, tăng cường xâm thực, chia cắt bán bình nguyên.
 C. Xâm thực mạnh ở vùng núi và bồi tụ nhanh ở hạ lưu sông.
 D. Các dãy núi hiện nay trùng với các nếp uốn cổ và thung lũng.

Câu 63: Địa hình bờ biển của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo, quần đảo. B. ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá, nhiều vịnh.
 C. đồng bằng pha cát và có nhiều vịnh nước sâu. D. đường bờ biển khúc khuỷu, địa hình cắt xẻ lớn.

Câu 64: Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2019, <https://www.gso.gov.vn>)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tổng lưu lượng nước sông Mê Công và sông Hồng.
- B. Lưu lượng nước trung bình sông Mê Công và sông Hồng.
- C. Lưu lượng nước sông Mê Công và sông Hồng theo mùa.
- D. Tổng lưu lượng nước sông Mê Công và sông Hồng theo mùa.

Câu 65: Địa hình nhiều đồi núi thấp là nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tính chất nhiệt đới được bảo toàn.
- B. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
- C. Thiên nhiên có sự phân hóa sâu sắc.
- D. Địa hình trẻ lại, có sự phân bậc rõ ràng.

Câu 66: Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sâu và hẹp.
- B. nông và hẹp.
- C. Sâu và rộng.
- D. nông và rộng.

Câu 67: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây gây ô nhiễm môi trường nước trên diện rộng ở nước ta?

- A. Chất thải của hoạt động du lịch.
- B. Chất thải sinh hoạt của dân cư.
- C. Hóa chất dư thừa trong nông nghiệp.
- D. Nước thải công nghiệp và đô thị.

Câu 68: Môi trường nước bị ô nhiễm, hoạt động nào sẽ thiệt hại nhiều nhất?

- A. Trồng cây lâu năm.
- B. Du lịch sinh thái.
- C. Nuôi trồng thủy sản.
- D. Sản xuất công nghiệp.

Câu 69: Tổng lượng phù sa hàng năm của sông ngòi nước ta rất lớn chủ yếu là do

- A. địa hình nước ta có sự tương phản giữa đồng bằng và miền núi.
- B. địa hình đồi núi già trẻ lại, có tính phân bậc rõ rệt các khu vực.
- C. lãnh thổ nước ta hẹp ngang, địa hình có nhiều hướng khác nhau.
- D. địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh, sườn dốc lớn và xâm thực mạnh.

Câu 70: Nguyên nhân cơ bản nào sau đây làm cho thảm thực vật ở nước ta xanh tốt, rất giàu sức sống?

- A. Nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Nước ta tiếp giáp vùng biển lớn với đường bờ biển dài.
- C. Nước ta nằm liền kề hai vành đai sinh khoáng lớn.
- D. Nước ta vừa tiếp giáp biển, vừa tiếp giáp đất liền.

Câu 71: Địa hình nước ta có hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam thấp dần ra biển nên tạo điều kiện cho

- A. gió đông nam gây mưa lớn Miền Bắc nước ta
- B. gió mùa đông bắc xâm nhập sâu vào lãnh thổ.
- C. gió biển có thể tác động sâu vào trong lục địa.
- D. Tín phong tác động mạnh vào lãnh thổ nước ta.

Câu 72: Khí hậu ảnh hưởng chủ yếu đến đặc điểm nào sau đây của sông ngòi nước ta?

- A. Diện tích lưu vực, lưu lượng nước, chiều dài của dòng chảy.
- B. Nhịp điệu dòng chảy trong năm, lượng phù sa, hướng chảy.
- C. Lượng phù sa, lưu lượng nước, nhịp điệu dòng chảy trong năm.
- D. Hướng chảy, lưu lượng nước, nhịp điệu dòng chảy trong năm.

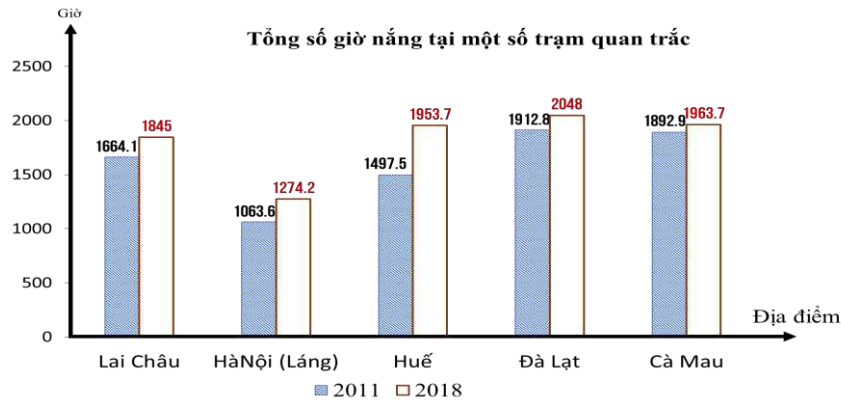
Câu 73: Sự thất thường của khí hậu nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. các loại gió, vị trí địa lí, đặc điểm địa hình.
- B. dải hội tụ, hình dạng của lãnh thổ, hướng núi.
- C. gió mùa, bão, biến đổi khí hậu toàn cầu.
- D. địa hình, tác động của biển, áp thấp nhiệt đới.

Câu 74: Độ muối giữa các vùng biển nước ta có sự khác nhau chủ yếu do

- A. địa hình bờ biển, các dòng hải lưu, chế độ mưa.
- B. chế độ mưa và chế độ nhiệt, địa hình bờ biển.
- C. sông ngòi đổ ra biển, hải lưu, chế độ thủy triều.
- D. lượng mưa, độ bốc hơi, sông ngòi đổ ra biển.

Câu 75: Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tổng số giờ nắng tại một số trạm quan trắc của Việt Nam?

- A. Đà Lạt luôn có số giờ nắng cao nhất, Hà Nội là thấp nhất.
- B. Số giờ nắng ở các địa điểm phía Bắc thường lớn hơn phía Nam.
- C. Số giờ nắng của các địa điểm năm 2018 đều nhỏ hơn năm 2011.
- D. Số giờ nắng tăng dần từ nam ra bắc và chênh lệch rất lớn.

Câu 76: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây tạo nên sự phân hóa theo Đông - Tây của vùng đồi núi nước ta?

- A. Ảnh hưởng của độ cao địa hình và hướng dãy núi.
- B. Tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.
- C. Ảnh hưởng của Biển Đông và độ cao địa hình.
- D. Quy định của vị trí địa lí và độ cao địa hình.

Câu 77: Cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có sự phân hóa theo độ cao đa dạng, phức tạp hơn phần lãnh thổ phía Nam do tác động của các yếu tố

- A. địa hình, gió mùa Đông Bắc, vị trí địa lí.
- B. gió mùa Đông Bắc, hướng núi, biển Đông.
- C. địa hình, hoàn lưu khí quyển, biển Đông.
- D. địa hình, vị trí địa lí, hoạt động gió mùa.

Câu 78: Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.
- B. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.
- C. các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.
- D. địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.

Câu 79: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở những đặc điểm nào sau đây?

- A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.
- B. Địa hình núi ưu thế, có nhiều cao nguyên và lòng chảo giữa núi.
- C. Ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc giảm, tính nhiệt đới tăng dần.
- D. Mùa hạ chịu tác động mạnh của Tín phong, có đủ ba đai cao.

Câu 80: Loại gió thường gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên là

- A. gió mùa Tây Nam từ áp cao ở biển Bắc Ấn Độ Dương.
- B. gió mùa Tây Nam từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
- C. gió mùa Đông Bắc nửa sau mùa đông từ áp cao Xibia.
- D. gió Tín phong bán cầu Bắc vượt qua biển mang hơi ẩm.

----- HẾT -----

Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam để làm bài

Phân đáp án câu trắc nghiệm:

Mã đề Câu	401	402	403	404	405	406	407	408
41	D	A	C	B	D	A	C	B
42	A	B	D	C	A	B	D	C
43	D	C	C	B	D	C	C	B
44	B	A	B	A	B	A	B	A
45	B	C	D	C	B	C	D	C
46	B	C	A	A	B	C	A	A
47	B	C	A	A	B	C	A	A
48	D	C	C	B	D	C	C	B
49	C	D	B	D	C	D	B	D
50	C	D	D	B	C	D	D	B
51	B	D	C	D	B	D	C	D
52	C	D	C	B	C	D	C	B
53	B	B	C	A	B	B	C	A
54	D	A	A	A	D	A	A	A
55	D	D	C	A	D	D	C	A
56	A	C	C	A	A	C	C	A
57	B	B	A	B	B	B	A	B
58	D	B	D	D	D	B	D	D
59	C	C	B	D	C	C	B	D
60	D	B	C	A	D	B	C	A
61	C	B	D	C	C	B	D	C
62	A	C	A	D	A	C	A	D
63	A	C	C	C	A	C	C	C
64	B	D	C	B	B	D	C	B
65	A	C	D	B	A	C	D	B
66	D	D	A	C	D	D	A	C
67	D	C	C	C	D	C	C	C
68	C	B	D	C	C	B	D	C
69	D	B	C	A	D	B	C	A
70	A	A	B	A	A	A	B	A
71	C	A	C	C	C	A	C	C
72	C	C	C	B	C	C	C	B
73	C	A	A	C	C	A	A	C
74	D	A	A	D	D	A	A	D
75	A	A	C	C	A	A	C	C
76	B	D	D	A	B	D	D	A
77	D	B	C	B	D	B	C	B
78	A	B	A	A	A	B	A	A
79	A	D	A	A	A	D	A	A
80	B	D	C	C	B	D	C	C

Phản đáp án câu trắc nghiệm:

Mã đề Câu	409	410	411	412	413	414	415	416
41	D	A	C	B	D	A	C	B
42	A	B	D	C	A	B	D	C
43	D	C	C	B	D	C	C	B
44	B	A	B	A	B	A	B	A
45	B	C	D	C	B	C	D	C
46	B	C	A	A	B	C	A	A
47	B	C	A	A	B	C	A	A
48	D	C	C	B	D	C	C	B
49	C	D	B	D	C	D	B	D
50	C	D	D	B	C	D	D	B
51	B	D	C	D	B	D	C	D
52	C	D	C	B	C	D	C	B
53	B	B	C	A	B	B	C	A
54	D	A	A	A	D	A	A	A
55	D	D	C	A	D	D	C	A
56	A	C	C	A	A	C	C	A
57	B	B	A	B	B	B	A	B
58	D	B	D	D	D	B	D	D
59	C	C	B	D	C	C	B	D
60	D	B	C	A	D	B	C	A
61	C	B	D	C	C	B	D	C
62	A	C	A	D	A	C	A	D
63	A	C	C	C	A	C	C	C
64	B	D	C	B	B	D	C	B
65	A	C	D	B	A	C	D	B
66	D	D	A	C	D	D	A	C
67	D	C	C	C	D	C	C	C
68	C	B	D	C	C	B	D	C
69	D	B	C	A	D	B	C	A
70	A	A	B	A	A	A	B	A
71	C	A	C	C	C	A	C	C
72	C	C	C	B	C	C	C	B
73	C	A	A	C	C	A	A	C
74	D	A	A	D	D	A	A	D
75	A	A	C	C	A	A	C	C
76	B	D	D	A	B	D	D	A
77	D	B	C	B	D	B	C	B
78	A	B	A	A	A	B	A	A
79	A	D	A	A	A	D	A	A
80	B	D	C	C	B	D	C	C

Phản đáp án câu trắc nghiệm:

Mã đề Câu	417	418	419	420	421	422	423	424
41	D	A	C	B	D	A	C	B
42	A	B	D	C	A	B	D	C
43	D	C	C	B	D	C	C	B
44	B	A	B	A	B	A	B	A
45	B	C	D	C	B	C	D	C
46	B	C	A	A	B	C	A	A
47	B	C	A	A	B	C	A	A
48	D	C	C	B	D	C	C	B
49	C	D	B	D	C	D	B	D
50	C	D	D	B	C	D	D	B
51	B	D	C	D	B	D	C	D
52	C	D	C	B	C	D	C	B
53	B	B	C	A	B	B	C	A
54	D	A	A	A	D	A	A	A
55	D	D	C	A	D	D	C	A
56	A	C	C	A	A	C	C	A
57	B	B	A	B	B	B	A	B
58	D	B	D	D	D	B	D	D
59	C	C	B	D	C	C	B	D
60	D	B	C	A	D	B	C	A
61	C	B	D	C	C	B	D	C
62	A	C	A	D	A	C	A	D
63	A	C	C	C	A	C	C	C
64	B	D	C	B	B	D	C	B
65	A	C	D	B	A	C	D	B
66	D	D	A	C	D	D	A	C
67	D	C	C	C	D	C	C	C
68	C	B	D	C	C	B	D	C
69	D	B	C	A	D	B	C	A
70	A	A	B	A	A	A	B	A
71	C	A	C	C	C	A	C	C
72	C	C	C	B	C	C	C	B
73	C	A	A	C	C	A	A	C
74	D	A	A	D	D	A	A	D
75	A	A	C	C	A	A	C	C
76	B	D	D	A	B	D	D	A
77	D	B	C	B	D	B	C	B
78	A	B	A	A	A	B	A	A
79	A	D	A	A	A	D	A	A
80	B	D	C	C	B	D	C	C